TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 7 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc;

Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp về ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh G, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1986; (vắng mặt).

Hộ chiếu số GX do Bộ Ngoại giao Mexico cấp ngày 03/10/2021.

Địa chỉ: Số Y đường D, phường C, quận D1, thành phố M, Mexico.

Địa chỉ dịch sang tiếng Anh: No. Y D street, C ward, D1 district, M city, Mexico.

2. Bị đơn: Chị PHẠM THỊ HUYỀN T1, sinh năm 1994; (có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ Y1, sảnh B, Chung cư L, đường P, phường T, thành phố

V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 31/10/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh G trình bày:

+ Về tình cảm: Anh và chị Phạm Thị Huyền T1 tự do tìm hiểu, yêu đương và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/02/2019 tại UBND huyện T2, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vì lý do công việc nên anh phải về Mexico để làm việc ngay và không chung sống cùng với chị T1. Cho đến thời điểm hiện tại, do khoảng cách về địa lý xa xôi và thời gian xa cách lâu ngày nên vợ chồng phát sinh nhiều sự khác biệt trong suy nghĩ, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên không còn tình cảm nữa. Đồng thời anh đã sinh sống ổn định và làm việc tại Mexico nên cũng không chăm sóc, quan tâm đến chị T1 được. Anh xác định tình cảm không còn, hai bên không thể kéo dài mối quan hệ vợ chồng, không chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Huyền T1.

+ Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Phạm Thị Huyền T1 trình bày:

+ Về tình cảm: Chị và anh G (Quốc tich Mexico) đăng ký kết hôn ngày 15/02/2019 tại UBND huyện T2, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 1 tuần, sau đó vì công việc nên anh G phải về Mexico. Từ đó vợ chồng không gặp gỡ nhau. Vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại 3 tháng đầu. Sau đó do bất đồng quan điểm, lối sống, mục đích hôn nhân và khoảng cách địa lý, xa cách lâu ngày nên tình cảm rạn nứt không hàn gắn được. Hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại thành phố V, tỉnh

Vĩnh Phúc. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn anh G và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn trong thời gian sớm nhất.

+ Về con chung, con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng và các vấn đề liên quan đến tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, xử cho anh G được ly hôn chị Phạm Thị Huyền T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng nguyên đơn anh G mang quốc tịch Mexico, hiện đang cư trú ở Mexico. Bị đơn là chị Phạm Thị Huyền T1 đang sinh sống tại căn hộ 2022, sảnh B, Chung cư L, đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và làm việc tại Vĩnh Phúc. Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Toà án giải quyết về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp về ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Về hôn nhân: Anh G và chị Phạm Thị Huyền T1 đăng ký kết hôn với nhau ngày 15/02/2019 tại UBND huyện T2, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự

nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 1 tuần, sau đó vì công việc nên anh G phải về Mexico. Từ đó vợ chồng không gặp gỡ nhau. Vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại được mấy tháng sau khi cưới. Sau đó do bất đồng quan điểm, lối sống và khoảng cách địa lý không thuận lợi, xa cách lâu ngày nên tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn trong thời gian sớm nhất. Hội đồng xét xử thấy việc đề nghị được ly hôn của anh G là chính đáng, chị T1 cũng nhất trí ly hôn, việc ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho anh G và chị Phạm Thị Huyền T1 ly hôn.

Về con chung: Anh G và chị Phạm Thị Huyền T1 đều xác định không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết về con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Anh G và chị Phạm Thị Huyền T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Anh G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Những quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh G được ly hôn chị Phạm Thị Huyền T1.

2. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

3.Về án phí: Anh G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007320 ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc (Do Nguyễn Thị Thùy L1 nộp hộ). Anh G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về thời hạn kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị Huyền T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND huyện T2, tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành